

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4
TRƯỜNG THCS CHI LĂNG

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN LỊCH SỬ LỚP 9 (3 TIẾT)

Tuần 1: (06/9/2021 – 11/9/2021)

**NƯỚC NGA, LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ
1918 ĐẾN NAY**

1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945

Nội dung này đã học ở chương trình Lịch sử 8, Học sinh tự học theo hướng dựa vào SGK lớp 8, lập bảng thống kê các sự kiện về **Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945** theo mẫu bên dưới:

Thời gian	Sự kiện

2. Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh-1945-1950)

a. Những thiệt hại của Liên Xô trong chiến tranh thế giới thứ hai.

Chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc. Liên Xô là nước thắng trận. Tuy nhiên, đất nước gặp phải nhiều khó khăn:

- + Hơn 27 triệu người chết.
- + 1710 thành phố bị phá hủy.
- + Hơn 70000 làng mạc bị phá hủy.
- Nền kinh tế phát triển chậm lại mười năm.

b. Thành tựu trong khôi phục kinh tế:

- Kinh tế:

- + Liên Xô hoàn thành kế hoạch 5 năm -1946-1950) hoàn thành trước 9 tháng.
- + Năm 1950, công nghiệp tăng 73%.
- + SX nông nghiệp vượt trước chiến tranh.
- + Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

Nhận xét:

- Phá vỡ thế độc quyền về bom nguyên tử của Mỹ.
- Liên Xô đủ sức bảo vệ nền độc lập của mình.
- Thể hiện sự phát triển vượt bậc về KHKT cùng tinh thần tự lập tự cường của nhân dân Liên Xô của Liên Xô.

3. Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX

+ Liên Xô tiếp tục thực hiện các KH dài hạn với phương hướng chính là: phát triển KT với ưu tiên phát triển CN nặng, đẩy mạnh tiến bộ KH-KT, tăng cường sức mạnh QP.

+ Kết quả:

- Sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 9,6%, là cường quốc công nghiệp thứ 2 thế giới (sau Mỹ).

- Là nước mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của con người (năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo; năm 1961, phóng tàu “Phương Đông” đưa con người lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất).

+ Về đối ngoại: chủ trương duy trì hòa bình thế giới, quan hệ hữu nghị với các nước và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

TÀI LIỆU HỖ TRỢ HỌC SINH THAM KHẢO:

Học sinh dùng để tìm hiểu thêm phục vụ bài học

1. Xây dựng chính quyền Xô viết

Ngay trong đêm 25 - 10 (7 - 11), Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai khai mạc ở điện Xmô-nui đã tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu và thông qua các sắc lệnh đầu tiên của chính quyền mới : Sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất.

Sắc lệnh hoà bình quy định : "Chính phủ công nông do cuộc cách mạng ngày 24 và 25 - 10 thiết lập và dựa vào các xô viết đại biểu công nhân, binh lính và nông dân, đề nghị với nhân dân tất cả các nước tham chiến và các chính phủ của họ tiến hành ngay những cuộc đàm phán về một hoà ước dân chủ và công bằng...".



Hình 55.
Lê-nin tại Đại hội
Xô viết toàn Nga
lần thứ hai

Sắc lệnh ruộng đất nêu rõ :

"1 - Nay huỷ bỏ ngay lập tức và không có bồi thường quyền sở hữu của địa chủ về ruộng đất.

2 - Các điền trang của địa chủ cũng như những ruộng đất của các thôn ấp, của các nhà tu và Giáo hội, với toàn bộ gia súc và công cụ đều giao cho các uỷ ban ruộng đất và các xô viết đại biểu nông dân huyện xử lý cho tới khi vấn đề được Quốc hội lập hiến giải quyết...".

Sắc lệnh ruộng đất đã nhanh chóng được thực hiện. Hơn 150 triệu héc-ta ruộng đất của địa chủ được trao cho nông dân. Lần đầu tiên ở nước Nga, toàn thể nông dân có ruộng cày.

- "Sắc lệnh hoà bình" và "Sắc lệnh ruộng đất" đem lại những quyền lợi gì cho quần chúng nhân dân ?

Chính quyền Xô viết tuyên bố xoá bỏ các đẳng cấp xã hội và những đặc quyền của Giáo hội ; thực hiện nam nữ bình quyền ; các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, có quyền tự quyết và tự do phát triển. Nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt : ngân hàng, đường sắt, ngoại thương, hầm mỏ, trao cho công nhân quyền kiểm soát sản xuất...

Đồng thời, để nước Nga rút ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc, chính quyền Xô viết đã kí Hoà ước Bơ-rét Li-tốp (tháng 3 - 1918) với Đức. Tuy phải chịu những điều kiện hết sức nặng nề, song hoà ước đã tạo cho nước Nga có thời gian hoà bình để củng cố chính quyền, xây dựng quân đội và dốc sức vào xây dựng nền kinh tế quốc gia bị suy sụp trong chiến tranh.

2. Chống thù trong, giặc ngoài

Năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mĩ, Nhật...) đã cấu kết với bọn phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang vào nước Nga Xô viết.

Suốt ba năm (1918 - 1920), nước Nga đã tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khó khăn, gian khổ. Với Chính sách cộng sản thời chiến (quốc hữu hoá toàn bộ các xí nghiệp, trưng thu lương thực thừa của nông dân, Nhà nước nắm độc quyền quản lý và phân phối lương thực, thực phẩm, thi hành chế độ lao động bắt buộc...), nhân dân Xô viết đã vượt qua được cơn hiểm nghèo.

Bài 16

LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

Bằng “Chính sách kinh tế mới” (1921 - 1925), nhân dân Xô viết đã hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế và bước vào thời kì đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1925 - 1941).

I - CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI VÀ CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC KINH TẾ (1921 - 1925)

Sau khi chiến thắng ngoại xâm và nội phản, năm 1921 nước Nga Xô viết bước vào thời kì hoà bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh hết sức khó khăn.

82

Bảy năm chiến tranh (1914 - 1921) đã tàn phá nặng nề nền kinh tế : năm 1920 sản lượng nông nghiệp chỉ bằng 1/2 so với trước chiến tranh, sản lượng công nghiệp chỉ còn 1/7, nhiều vùng lâm vào bệnh dịch và nạn đói trầm trọng. Bọn phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.

Bảy năm chiến tranh (1914 - 1921) đã tàn phá nặng nề nền kinh tế : năm 1920 sản lượng nông nghiệp chỉ bằng 1/2 so với trước chiến tranh, sản lượng công nghiệp chỉ còn 1/7, nhiều vùng lâm vào bệnh dịch và nạn đói trầm trọng. Bọn phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.



Hình 58. Áp phích năm 1921 :
"Chúng ta tuyên chiến với hậu quả của chiến tranh"

- Bức áp phích trên nói lên điều gì ?

Trong tình hình ấy, tháng 3 - 1921 Đảng Bôn-sê-vích Nga quyết định thực hiện Chính sách kinh tế mới, do Lê-nin đề xướng. Nội dung chủ yếu của Chính sách kinh tế mới là bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa và thay thế bằng chế độ thu thuế lương thực (sau khi nộp đủ thuế lương thực quy định, nông dân được quyền sử dụng số dư thừa), thực hiện tự do buôn bán, mở lại các chợ, cho phép tư nhân được mở các xí nghiệp nhỏ và khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga.

Nhờ có Chính sách kinh tế mới, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác được phục hồi và phát triển nhanh chóng. Đời sống nhân dân được cải thiện hơn trước. Năm 1925, sản xuất công, nông nghiệp đạt mức xấp xỉ trước chiến tranh.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước đòi hỏi các dân tộc trên đất nước Xô viết phải liên minh khăng khít và giúp nhau hơn nữa về mọi mặt. Từ yêu cầu đó, tháng 12 - 1922, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) được thành lập trên cơ sở tự nguyện của bốn nước cộng hoà xô viết đầu tiên là Nga, Bê-lô-rút-xi-a, U-crai-na và Ngoại Cáp-ca-dơ⁽¹⁾.

(1) Từ năm 1922 đến năm 1940, có thêm 11 nước cộng hoà gia nhập Liên Xô, nâng tổng số lên 15 nước.

- *Nội dung chủ yếu của Chính sách kinh tế mới. Chính sách này đã tác động như thế nào đến tình hình nước Nga ?*

II - CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1925 - 1941)

Sau khi khôi phục kinh tế, Liên Xô vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu so với các nước tư bản phương Tây : nông nghiệp chiếm trên 2/3 tổng sản phẩm quốc dân, máy móc phải nhập của nước ngoài. Chính vì vậy, để xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, nhân dân Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm 1926 - 1929, nhân dân Liên Xô tập trung mọi sức lực vào việc thực hiện bước đầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa theo đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng mà trọng tâm là ngành công nghiệp chế tạo máy công cụ, ngành công nghiệp năng lượng (điện, than, dầu mỏ), ngành chế tạo máy móc nông nghiệp và ngành công nghiệp quốc phòng.

Cùng với nhiệm vụ công nghiệp hoá, nhân dân Liên Xô tiến hành cải tạo nền nông nghiệp, thu hút đông đảo nông dân tham gia các nông trang tập thể.



Hình 59. Nhà máy thuỷ điện Đơ-nhi-ép, khởi công năm 1927, là nhà máy thuỷ điện lớn nhất châu Âu thời đó, được đưa vào hoạt động tháng 10 - 1932

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô được thực hiện qua các kế hoạch 5 năm. Mỗi kế hoạch 5 năm đều có những mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể, đánh dấu từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 - 1932) và lần thứ hai (1933 - 1937) đều hoàn thành trước thời hạn.

- Vì sao nhân dân Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ?

Trong thời kì đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt. Đến năm 1936, tính theo sản lượng công nghiệp, Liên Xô đứng đầu châu Âu và đứng thứ hai trên thế giới (sau Mỹ). Công cuộc tập thể hoá nông nghiệp hoàn thành. Nhân dân Liên Xô đã xây dựng được một nền nông nghiệp tập thể hoá, cơ giới hoá và có quy mô sản xuất lớn.



Hình 60. Máy kéo ở một nông trang tập thể năm 1936

Về văn hoá - giáo dục, Liên Xô đã thanh toán nạn mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học cho tất cả mọi người và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố. Các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn học nghệ thuật cũng đạt được nhiều thành tựu rực rỡ.

Về xã hội, các giai cấp bóc lột đã bị xoá bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức mới xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1937, Liên Xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba. Tháng 6 - 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô, nhân dân Liên Xô buộc phải ngừng công cuộc xây dựng đất nước để tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại.

- Nêu những thành tựu về văn hoá - giáo dục của Liên Xô trong thời kì đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1925 - 1941).

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nêu nội dung của Chính sách kinh tế mới.
2. Trình bày những biến đổi về mọi mặt ở Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1925 đến năm 1941.
3. Sưu tầm một vài mẫu chuyện về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô những năm 1925 - 1941.

HẾT TUẦN 1

Tuần 2: (13/9 – 18/9/2021)

NƯỚC NGA, LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ 1918 ĐẾN NAY (Tiếp theo)

1. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu

Trong CTTG thứ hai, nhờ sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô, nhân dân các nước Đông Âu đã tiến hành cuộc đấu tranh chống phát xít thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân (Ba Lan tháng 7 - 1944, Tiệp Khắc 5 - 1945,...).

+ Riêng nước Đức bị chia cắt, với sự thành lập nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức (9/1949), ở phía Tây và nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức (10 - 1949), ở phía Đông lãnh thổ.

+ Từ năm 1945 - 1949, các nước Đông Âu hoàn thành nhiệm vụ của cuộc CM dân tộc dân chủ: xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân,...

2. Liên Xô từ giữa những năm 70 đến 1991

Nguyên nhân: Sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, nền kinh tế xã hội của Liên Xô ngày càng rơi vào tình trạng trì trệ, không ổn định: Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp không tăng, đời sống nhân dân khó khăn, lương thực và hàng hoá tiêu dùng thiết yếu ngày càng khan hiếm, tệ nạn quan liêu, tham nhũng trầm trọng...

b. Quá trình khủng hoảng:

- Tháng 3 năm 1985, Góóc-ba-chốp đề ra đường lối cải tổ nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

- Do thiếu chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và thiếu một đường lối chiến lược đúng đắn, công cuộc cải tổ nhanh chóng lâm vào tình trạng bị động, khó khăn và bế tắc. Đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn: bãi công, nhiều nước cộng hoà đòi li khai, tệ nạn xã hội gia tăng,...

- Hậu quả: Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên bang hầu như tê liệt. Ngày 21 - 12 - 1991, 11 nước cộng hoà kí hiệp định về giải tán Liên bang, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (viết tắt là SNG). Tối 25 - 12 - 1991, Góóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.

TÀI LIỆU HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC TẬP:

1 – Đông Âu

https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_%C3%82u

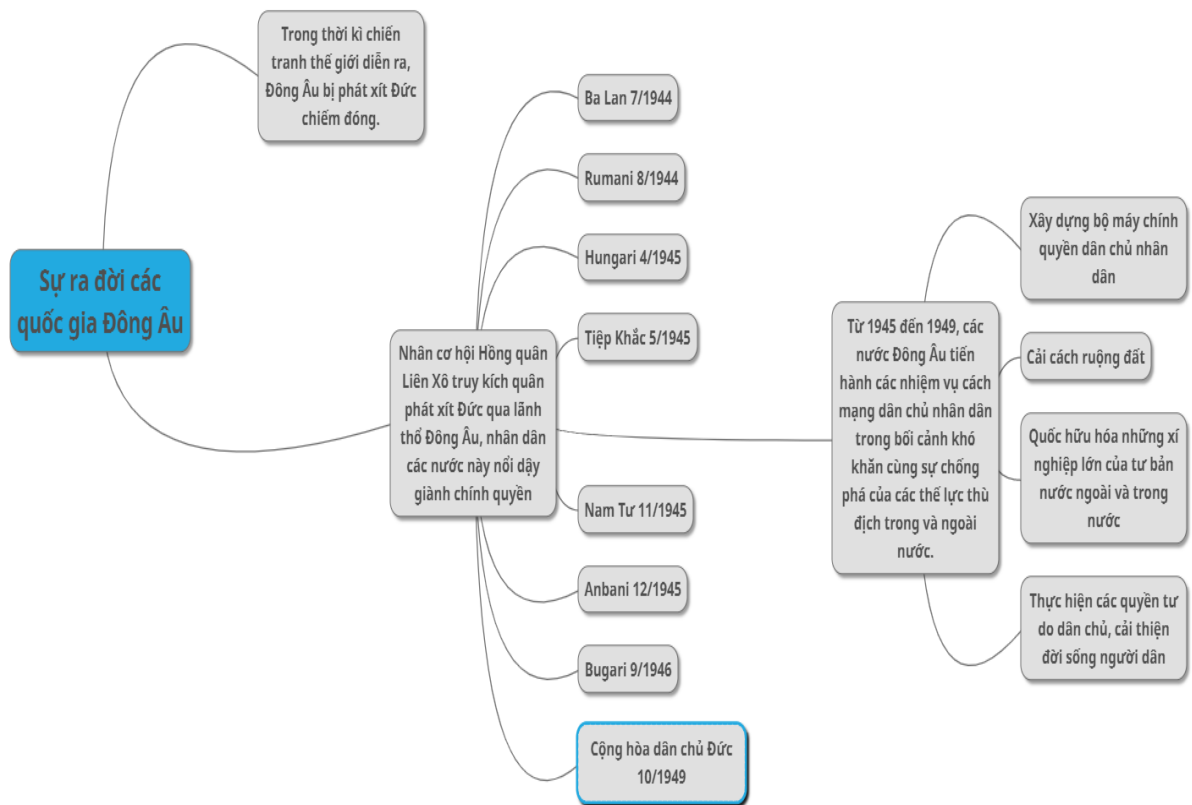
2. Bản đồ Đông Âu



3. Ảnh cuộc biểu tình đòi li khai



4. Sơ đồ tư duy Đông Âu



HẾT TUẦN 2

Tuần 3: (20/9/2021 – 25/9/2021)

NƯỚC NGA, LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ 1918 ĐẾN NAY

(Tiếp theo)

1. Đông Âu từ giữa những năm 70 đến 1991

Nguyên nhân sự khủng hoảng và sụp đổ CNXH ở Đông Âu:

Kinh tế: lâm vào khủng hoảng, mất sự hỗ trợ từ Liên Xô

Chính trị: Rập khuôn mô hình của Liên Xô. Chủ quan, duy ý chí, chậm sửa đổi. Sự chống phá, lôi kéo nhân dân của các thế lực trong và ngoài nước. Vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản bị triệt tiêu.

Xã hội: nhân dân bất bình, đòi hỏi phải thay đổi.

2. Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay

Liên bang Nga là quốc gia kế thừa Liên Xô.

Kinh tế:

Từ 1990 – 1995 liên tục suy thoái. Tuy nhiên, từ 1996, đã phục hồi và tăng trưởng.

Chính trị:

Liên bang Nga theo thể chế tổng thống liên bang.

Đối nội:

Đối mặt nhiều thách thức do sự tranh chấp giữa các đảng phái, xung đột sắc tộc.

Đối ngoại: thực hiện đường lối thân thiện với phương Tây, phát triển mối quan hệ với các nước châu Á như Trung Quốc, ASEAN...

- Từ năm 2000, Vladimir Vladimirovich Putin lên làm tổng thống đưa nước Nga trở thành cường quốc.

TÀI LIỆU HỖ TRỢ HỌC SINH:

1 – Sách giáo khoa 12 bổ sung phần Liên bang Nga

III – LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 ĐẾN NĂM 2000

Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga là “quốc gia kế tục Liên Xô”, được kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và tại các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.

Về kinh tế, trong những năm 1990 – 1995, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của GDP luôn là số âm : 1990 : – 3,6%, 1995 : – 4,1%. Từ năm 1996, kinh tế Liên bang Nga bắt đầu có những tín hiệu phục hồi : năm 1997, tốc độ tăng trưởng là 0,5% ; năm 2000, lên đến 9%.

Về chính trị, tháng 12 – 1993, Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành, quy định thể chế Tổng thống Liên bang. Về mặt đối nội, nước Nga phải đối mặt với hai thách thức lớn là tình trạng không ổn định do sự tranh chấp giữa các đảng phái và những vụ xung đột sắc tộc, nổi bật là phong trào ly khai ở vùng Trécxnia.

Về đối ngoại, một mặt nước Nga ngả về phương Tây với hi vọng nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế ; mặt khác, nước Nga khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ, các nước ASEAN v.v.).

Từ năm 2000, V. Putin lên làm Tổng thống, nước Nga có nhiều chuyển biến

khả quan : kinh tế dần dần hồi phục và phát triển, chính trị và xã hội tương đối ổn định, vị thế quốc tế được nâng cao. Tuy vậy, nước Nga vẫn phải đương đầu với nạn khủng bố do các phần tử ly khai gây ra, đồng thời tiếp tục khắc phục những trở ngại trên con đường phát triển để giữ vững địa vị của một cường quốc Âu – Á.



Nêu những nét chính về tình hình Liên bang Nga trong những năm 1991 – 2000.



CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Lập niên biểu những sự kiện chính của Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

2. Thời đại Putin

Putin là tên "một thời đại, một kỷ nguyên" của nước Nga



Đối với nhiều người, ông Putin được coi là người bảo hộ cho sự ổn định, một nhân vật đã khiến nước Nga đoàn kết trở lại sau một thập kỉ khó khăn giữa thời kì Liên Xô tan rã

Thời đại Putin

"Ở đâu có Putin, ở đó có nước Nga; ở đâu không có Putin, ở đó không còn nước Nga". Cụm từ này không chỉ được sử dụng bởi những người ủng hộ ông Putin, mà còn được chính Chủ tịch Hạ viện Nga Vyacheslav Volodin trích lại

Tuy nhiên, theo Russia Beyond, ý niệm rằng ông Putin là "hiện thân đại diện cho nước Nga" dường như không chỉ phổ biến giữa những chính trị gia ủng hộ ông Putin. Theo kết quả khảo sát, đây là quan điểm của phần đông người dân Nga. Đối với họ, ông Putin được coi là người bảo hộ cho sự ổn định, một nhân vật đã khiến nước Nga đoàn kết trở lại sau một thập kỉ khó khăn giữa thời kì Liên Xô tan rã

"Cần trân trọng những gì ông Putin đã làm so với thời ông Yeltsin. Không thể nào có một bước nhảy vọt từ thời hậu cải tổ được. Thời gian trôi qua chưa được bao lâu. Tuy nhiên, từ lạnh của tôi và từ lạnh của các bạn tôi đều đủ đầy, chúng tôi dành thời gian ngày nghỉ lễ ở các khu nghỉ dưỡng, nhiều người có chung cư mới, mọi

"Cần trân trọng những gì ông Putin đã làm so với thời ông Yeltsin. Không thể nào có một bước nhảy vọt từ thời hậu cải tổ được. Thời gian trôi qua chưa được bao lâu. Tuy nhiên, tù lạnh của tôi và tù lạnh của các bạn tôi đều đủ đầy, chúng tôi dành thời gian ngày nghỉ lễ ở các khu nghỉ dưỡng, nhiều người có chung cư mới, mọi người đều có ô tô đi, đây là điều mà chẳng ai dám mơ trước thời đại Putin," người hướng dẫn viên du lịch Yury Bakhaev viết trên một diễn đàn nổi tiếng có tên The Questions



Thị trấn Kashira, cách Moskva 115 km về phía đông nam

"Chúng ta cần bắt đầu tích trữ đồ dùng bởi thời đại Putin sẽ không kéo dài mãi mãi. Vị tổng thống tiếp theo có thể sẽ là một trong những người thuộc phe đối lập tự do ở Nga, và chúng ta sẽ lại trở về những năm 90 hoặc tệ hơn thế nữa," ông Alexander Rybakov, 57 tuổi, chia sẻ

"Mọi người đều nhớ thời kì khi họ khó có thể tự nuôi được bản thân và gia đình," kĩ thuật viên chính trị Gleb Pavlovsky nói. Ông Pavlovsky chỉ ra rằng, sự tín nhiệm của ông Putin chủ yếu được xây dựng trên nền tảng những kì ức đau thương hồi những năm 90, khi người dân không được trả lương và tiền lương hưu hàng tháng. "Nhưng ngày nay mọi thứ đã khác, đây là thành công rực rỡ của ông Putin"

Những lời ngợi ca về phẩm chất

Khi được hỏi ông Putin có những phẩm chất gì, nhiều người dân Nga sử dụng những cụm từ như: "đũng cảm", "quyết đoán", "tự tin" và "mạnh mẽ"



Thành phố Yalta, Crimea

Việc Nga sáp nhập Crimea đã được người dân trong nước ủng hộ nhiệt tình, và tỉ lệ tín nhiệm ông Putin đã liên tục giữ vững ở mức 80% trong một khoảng thời gian dài. Tỉ lệ này đạt kỉ lục 90% vào năm 2015, khi Nga bắt đầu chiến dịch quân sự ở Syria

Cả hai sự kiện này đều biến ông Putin thành "một người đàn ông đích thực" trong con mắt của người dân Nga. *"Khi lấy lại Crimea, chúng tôi đã thách thức những kẻ thù địch và giáng một đòn mạnh vào Phương Tây,"* Alexey Levinson, chủ nhiệm trung tâm nghiên cứu văn hóa-xã hội Levada, nói

"Mọi người đều cảm thấy rằng dường như Nga đang thu hút sự chú ý của cả thế giới, và là một cường quốc đích thực. Ông Putin hiện diện như một lãnh đạo mạnh mẽ, người không hề hoảng sợ, nao núng trước các thế lực"

"Người đàn ông chưa từng thất bại"

Một người như ông Putin có khi nào phạm lỗi trong con mắt của công chúng hay không? Có khả năng rất cao là có. Nhưng nhiều người Nga không nghĩ như vậy

Trong gần 20 năm cầm quyền, tỉ lệ ủng hộ ông Putin hiếm khi bị giảm sút vì những khủng hoảng chính trị. Thay vào đó, ông Putin thường "miễn nhiễm" khỏi những bê bối và các bộ trưởng sẽ là người chịu trách nhiệm vì "không hoàn thành nhiệm vụ" theo chỉ thị của tổng thống

Theo một số khảo sát, khuyết điểm duy nhất của ông Putin trong con mắt công chúng là ông "không biết người dân thường thực sự sống như thế nào". Ông Putin không dùng internet và không có cả điện thoại di động

Ông nhận mọi thông tin và tin tức trong một cặp tài liệu được các trợ lí chuẩn bị hàng ngày. Do đó, có nhiều người cho rằng "nếu ông Putin không biết điều gì đó, thì đó là bởi vì không ai nói cho ông ấy biết cả"

Tỉ lệ ủng hộ ông Putin đã sụt giảm 5 lần trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, 4 lần sụt đầu tiên không giảm mạnh như lần gần đây nhất.

Hầu hết các chuyên gia cho rằng việc này xảy ra bởi ông Putin đã chính thức ủng hộ chính sách cải cách lương hưu gây tranh cãi. Đây cũng là đề tài rất nhạy cảm đối với người dân Nga. Dù sao, sự sụt giảm có thể chỉ là tạm thời

Theo khảo sát của Trung tâm nghiên cứu ý kiến công cộng Nga (VTsIOM), tỉ lệ ủng hộ tổng thống Nga đã giảm xuống mức kỉ lục 32,7% vào tháng 3/2019. Trong khi đó, trung tâm Levada lại ghi nhận con số 64%

Trả lời Russia Beyond, ông Levinson cho biết điều này cho thấy tỉ lệ tín nhiệm đã trở lại mức bình thường và bằng với thời kì trước sự kiện Crimea hoặc trước chiến tranh 5 ngày ở Georgie năm 2008

"Đây là mức ổn định: 2/3 người dân Nga tin rằng chấp nhận tổng thống đương nhiệm là biểu tượng của sự đoàn kết quốc gia. Có nhiều lí do khiến tỉ lệ giảm xuống dưới mức này, nhưng trong 20 năm qua chúng tôi chưa từng thấy chuyện đó xảy ra. Còn hiện tại, đa số mọi người đều ủng hộ Putin," ông Levinson kết luận

HẾT TUẦN 3

Tuần 4: (27/9 – 2/10/2021)

Nội dung 2 (6 tiết):

Các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến nay

Tiết 1:

MỸ LATINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

1. Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991.

- Đầu thế kỉ XIX, Mỹ-Latinh sớm giành độc lập từ tay thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha nhưng sau đó lại lệ thuộc và trở thành "sân sau" của đế quốc Mỹ.
- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cao trào đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ đã diễn ra ở nhiều nước Mỹ La-tinh với tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cuba, Chi Lê, Nicaragua... biến Mỹ - Latinh thành "Lục địa bùng cháy".
- Trong xây dựng đất nước, các nước Mỹ La-tinh đã thu được nhiều thành tựu trong công cuộc củng cố độc lập dân tộc, dân chủ hoá đời sống chính trị, tiến hành các cải cách dân chủ... nhiều nước đã trở thành nước NIC.
- Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế, chính trị ở Mỹ - Latinh gặp nhiều khó khăn.

Trong bối cảnh khủng hoảng chung của thế giới về đại dịch virus SARS-CoV-2 Mỹ Latinh và vùng Caribe đang phải đối mặt sự lây lan với tốc độ chóng mặt.

2. Cuba hòn đảo anh hùng.

- Ngày 1 - 1 - 1959, cuộc cách mạng Cuba giành được thắng lợi.
- Chính phủ cách mạng tiến hành cuộc cải cách dân chủ triệt để: cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của tư bản nước ngoài, xây dựng chính quyền cách mạng các cấp và thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục, y tế... Bộ mặt đất nước Cuba thay đổi căn bản và sâu sắc.
- Trong nửa thế kỉ qua, nhân dân Cu-ba vượt qua những khó khăn do chính sách phá hoại, bao vây, cấm vận về kinh tế của Mỹ. Cuba vẫn đứng vững và tiếp tục đạt được những thành tích mới.

TÀI LIỆU HỖ TRỢ HỌC SINH THAM KHẢO:

1. Ảnh tư liệu hỗ trợ xây dựng bài



Hình 14. Lược đồ khu vực Mĩ La-tinh sau năm 1945

Dân tộc [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Cư dân Mỹ Latinh có sự đa dạng về tổ tiên, sắc tộc và chủng tộc, và khiến cho khu vực là một trong những nơi đa dạng chủng tộc nhất thế giới. Thành phần dân tộc có khác biệt giữa các quốc gia: người lai Âu-da đỏ (**Mestizo**) chiếm ưu thế ở nhiều nước; ở một số nước thì **người da đỏ** chiếm đa số; dân sự một số quốc gia lại chủ yếu là người gốc **Âu**; và tại một số nước thì người **Mulatto** chiếm ưu thế. Ngoài ra còn có **người da đen**, **người châu Á**, và người lai da đen-da đỏ (trong lịch sử đôi khi được gọi là **Zambo**). Người có nguồn gốc châu Âu là nhóm đơn lẻ lớn nhất, và cùng với những người có một phần gốc Âu, họ chiếm xấp xỉ 80% tổng dân số,^[21] hoặc hơn.^[22]

Ngôn ngữ [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Tiếng Tây Ban Nha và tiếng Bồ Đào Nha là các ngôn ngữ chủ yếu của Mỹ Latinh. Tiếng Bồ Đào Nha chỉ được nói tại Brasil, song đây lại là quốc gia lớn nhất và đông dân cư nhất trong khu vực. Tiếng Tây Ban Nha là ngôn ngữ chính thức của hầu hết các nước Mỹ Latinh còn lại trên lục địa, cũng như tại **Cuba**, **Puerto Rico** (cùng với tiếng Anh), và **Cộng hòa Dominica**. **Tiếng Pháp** được nói tại **Haiti** và các **tỉnh hải ngoại** của Pháp như **Guadeloupe**, **Martinique** và **Guyane thuộc Pháp**, **cộng đồng hải ngoại Saint-Martin**.

Các ngôn ngữ bản địa châu Mỹ được nói rộng rãi ở **Peru**, **Guatemala**, **Bolivia**, **Paraguay** và **México**, và ở một mức độ thấp hơn tại **Panama**, **Ecuador**, **Brasil**, **Colombia**, **Venezuela**, **Argentina**, và **Chile**. Ở các nước Mỹ Latinh còn lại, số người nói các ngôn ngữ bản địa có xu hướng thu nhỏ hoặc ngôn ngữ đó bị tuyệt chủng. Mexico có lẽ là quốc gia có nhiều ngôn ngữ nhất Mỹ Latinh. Tại **Peru**, **tiếng Quechua** cũng là một ngôn ngữ chính thức bên cạnh tiếng Tây Ban Nha. Tại **Bolivia**, **tiếng Aymara**, Quechua và Guarani cũng có được vai trò chính thức bên cạnh tiếng Tây Ban Nha. **Tiếng Guarani**, cùng với tiếng Tây Ban Nha, là ngôn ngữ chính thức của **Paraguay**, và được phần lớn dân cư nói (song ngữ), và ngôn ngữ này cũng có được vị thế chính thức tại tỉnh **Corrientes** của Argentina.

Các ngôn ngữ châu Âu khác được nói tại Mỹ Latinh bao gồm: **tiếng Anh** bởi một số nhóm tại **Puerto Rico**, cùng các quốc gia có thể không được xem là thuộc vùng Mỹ Latinh như **Belize** và **Guyana**; **tiếng Đức** được nói ở miền nam Brasil, miền nam **Chile** cùng nhiều nơi ở Argentina và **Paraguay**; **tiếng Ý** được nói tại Brazil, Argentina, và Uruguay; **tiếng Wales** được nói ở miền nam **Argentina**.^[23]^[24]^[25]^[26]^[27]^[28]

Tôn giáo [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Đại đa số người dân Mỹ Latinh là **Kitô hữu**, hầu hết theo **Công giáo La Mã**.^[29] Khoảng 70% cư dân Mỹ Latinh tự xem mình là người Công giáo.^[30] Thành viên của các giáo phái **Tin Lành** đang tăng lên, đặc biệt là ở Brasil, Panamá và Venezuela.

Di cư [[sửa](#) | [sửa mã nguồn](#)]

Các vấn đề kinh tế, xã hội và an ninh đã ảnh hưởng đến tình trạng di cư của khu vực trong các thập niên gần đây, trọng tâm là sự thay đổi từ khu vực nhập cư sang khu vực di cư. Có khoảng 10 triệu người Mexico sinh sống tại Hoa Kỳ.^[31] 28,3 triệu **người Mỹ** nhận mình có gốc Mexico theo số liệu trong năm 2006.^[32] Theo điều tra dân số Colombia vào năm 2005, có khoảng 3.331.107 triệu người Colombia hiện sinh sống ở nước ngoài.^[33] Số người Brasil sinh sống ở hải ngoại được ước tính là khoảng 2 triệu người.^[34] Một ước tính đưa ra con số từ 1,5 đến hai triệu người El Salvador sinh sống tại Hoa Kỳ.^[35] Có ít nhất 1,5 triệu người Ecuador sống ở nước ngoài, chủ yếu tại Hoa Kỳ và Tây Ban Nha.^[36] Có xấp xỉ 1,5 triệu người Cộng hòa Dominica sinh sống ở nước ngoài, chủ yếu là tại Hoa Kỳ.^[37] Có trên 1.3 triệu người Cuba sống ở nước ngoài, hầu hết họ cư trú tại Hoa Kỳ.^[38]

Lịch sử dân số		
Năm	Số dân	±%
1750	16.000.000	—
1800	24.000.000	+50.0%
1850	38.000.000	+58.3%
1900	74.000.000	+94.7%
1950	167.000.000	+125.7%
1999	511.000.000	+206.0%
Nguồn: "UN report 2004 data" (PDF) . 		



Che Guevara, một người Mỹ Latinh da trắng có nguồn gốc Tây Ban Nha, Basque và Ireland.



Dân số và quy mô kinh tế của các quốc gia Mỹ Latinh

Quốc gia ⇅	Dân số^[39] (2010) ⇅ triệu người	GDP (danh nghĩa)^[40] (2012) ⇅ triệu Đô la Mỹ	GDP (PPP)^[41] (2012) ⇅ triệu Đô la Mỹ
 Argentina	40,4	472.815	756.226
 Bolivia	9,9	27.012	54.134
 Brazil	194,9	2.449.760	2.393.954
 Chile	17,1	272.119	316.516
 Colombia	46,3	378.713	500.576
 Costa Rica	4,7	44.313	57.955
 Cuba	11,3	Không có	Không có
 Dominican Republic	9,9	59.429	98.835
 Ecuador	14,5	72.466	134.805
 El Salvador	6,2	24.421	46.050
 Guatemala	14,4	50.303	78.012
 Haiti	10,0	8.335	13.501
 Honduras	7,6	18.320	37.408
 Mexico	113,4	1.207.820	1.743.474
 Nicaragua	5,8	7.695	19.827
 Panama	3,5	34.517	55.124
 Paraguay	6,5	22.363	35.262
 Peru	29,1	184.962	322.675
 Uruguay	3,4	52.349	53.365
 Venezuela	29,0	337.433	396.848
Tổng	577,8	5.725.145	7.114.547

Mỹ Latinh (tiếng Tây Ban Nha: *América Latina* hay *Latinoamérica*; tiếng Bồ Đào Nha: *América Latina*; tiếng Pháp: *Amérique latine*; tiếng Anh: *Latin America*) là một khu vực của **châu Mỹ**, nơi mà người dân chủ yếu nói **các ngôn ngữ Roman** (có nguồn gốc từ tiếng **Latinh**) – đặc biệt là tiếng Tây Ban Nha và tiếng Bồ Đào Nha, và một mức độ nào đó là tiếng Pháp.^{[2][3]} Mỹ Latinh là một khu vực có diện tích xấp xỉ 21.069.500 km² (7.880.000 sq mi), chiếm gần 3,9% diện tích bề mặt và 14,1% tổng diện tích đất liền của **Trái Đất**. Tính đến năm 2019, tổng dân số Mỹ Latinh được ước tính là trên 660 triệu người^[4] và **tổng sản phẩm nội địa** của khu vực là 5,16 nghìn tỷ đô la Mỹ (6,27 nghìn tỉ theo **sức mua tương đương**).^[5] Dự kiến tốc độ tăng trưởng của Mỹ Latinh đạt khoảng 5,7% vào năm 2010 và 4% vào năm 2011.

Quan niệm về việc một phần của châu Mỹ có một mối quan hệ về ngôn ngữ với những nền văn hóa Roman có thể được bắt nguồn từ thập niên 1830 trong các văn bản của **Michel Chevalier**, ông đã mặc nhiên công nhận bộ phận này của châu Mỹ là nơi sinh sống của những người thuộc "**chủng Latinh**", và rằng khu vực này có thể liên minh với "**Âu Latinh**" trong một cuộc đấu tranh với "**Âu German**", "**Mỹ Ănglê**" và "**Âu Slav**".^[7] Quan niệm này sau đó được các trí thức và lãnh tụ chính trị Mỹ Latinh đề cập đến vào giữa và cuối thế kỉ 19, họ không còn nhìn nhận Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha là những hình mẫu văn hóa, mà là **Pháp**.^[8] Thuật ngữ được chính trị gia người Chile **Francisco Bilbao** sử dụng lần đầu tiên tại Paris trong một hội nghị năm 1856^[9] và trong cùng năm bởi nhà văn người Colombia José María Torres Caicedo trong bài thơ "Hai châu Mỹ của ông".^[10] Đế quốc Pháp của **Napoléon III** trong cuộc **xâm lược Mexico** đã ủng hộ thuật ngữ Mỹ Latinh, lý do là để Pháp có thể đứng vào hàng ngũ các quốc gia có ảnh hưởng tại châu Mỹ và để loại trừ **các nước nói tiếng Anh**, và giữ một vai trò trong chiến dịch của ông nhằm ngụ ý rằng khu vực có mối quan hệ văn hóa với Pháp, biến Pháp trở thành lãnh đạo về văn hóa và chính trị của khu vực, và lập **Maximiliano của Habsburg** làm hoàng đế của **Đệ nhị Đế quốc Mexico**.^[11] Năm 1861, các học giả người Pháp cũng đã đặt ra thuật ngữ này trong *La revue des races Latines*, một tạp chí dành riêng cho phong trào liên Latinh.^[12]

- **Khí hậu :**
 - ∞ Đa phần có khí hậu nhiệt đới – xích đạo nhiệt ẩm rồi rào
 - ∞ Miền Nam và Cực Nam có khí hậu cận nhiệt ôn đới
 - ∞ Một số vùng Mưa ít là Bắc Mexico, Bắc Chile, cao nguyên Patagoni
- **Sông hồ :** có nhiều sông hồ lớn sông Amazon, Orinoco, Parana có nhiều giá trị về thủy điện, đánh cá, giao thông, du lịch. Hồ Titicaca là lớn nhất Mĩ Latinh
- **Sinh vật** có rừng rậm nhiệt đới Amazon lớn nhất thế giới, ngoài ra còn có xavan, đồng cỏ, rừng cây lá kim trên núi cao

MỐI QUAN HỆ VIỆT NAM – CUBA:

phần quan hệ Việt Nam – Cuba

Cuba ủng hộ Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ. Trong cuộc chiến, Cuba đưa nhiều kỹ sư cầu đường xây dựng lại hệ thống đường sá bị tàn phá nặng nề, đưa các y bác sĩ cùng các loại thuốc men, dụng cụ y tế,... Cuộc chiến chống Mỹ của Việt Nam là nguồn cảm hứng cho nhiều lãnh đạo Cuba, một trong số đó là Che Guevara đã kêu gọi *“phải tạo ra hai, ba, nhiều Việt Nam”*. Năm 1973, sau khi Hiệp định Paris được kí kết, Fidel đã thăm vùng giải phóng của Việt Nam tại Quảng Trị và nhắc lại tuyên bố *"Vì người Việt Nam, Cuba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình"*.

Chiến tranh biên giới 1979 nổ ra, Cuba tuyên bố ủng hộ Việt Nam chống Trung Quốc bành trướng đồng thời tuyên bố gửi quân sang Việt Nam. Từ giai đoạn 1980-1990, Việt Nam bị cấm vận, Cuba là một trong số ít quốc gia viện trợ thuốc men, vaccin, lương thực cho Việt Nam. Sau khi mở cửa nền kinh tế Việt Nam được phát triển, Việt Nam lại trở thành quốc gia viện trợ cho Cuba, và là quốc gia tích cực kêu gọi Mỹ không bao vây cấm vận Cuba. Việt Nam tiếp tục viện trợ lương thực, thực phẩm, máy móc, và trang thiết bị. Từ giai đoạn 2010-2020, Cuba mở cửa thị trường đất nước và cập nhật theo mô hình kinh tế thị trường của Việt Nam.

Chiều 5/8/2021, Cuba đã trao tặng hàng ngàn lọ thuốc sản sinh kháng thể chống virus SARS-CoV-2 cho Việt Nam và cử chuyên gia vào Quảng Nam, Đà Nẵng hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19.

Thuốc được điều chế bởi các nhà khoa học ở Trung tâm Di truyền và công nghệ sinh học Cuba. Đây là loại thuốc đạt chuẩn châu Âu, khi đưa vào cơ thể sẽ kích thích sản sinh ra kháng thể chống virus SARS-CoV-2, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong điều trị những bệnh nhân mắc COVID-19 nặng.

Vì Việt Nam, Cuba sẵn sàng mở thêm xưởng sản xuất vaccine.

Cuba cho biết sẵn sàng ký kết hợp tác với Việt Nam về cung ứng vaccine Abdala, đồng thời hợp tác với Việt Nam để chuyển giao công nghệ sản xuất vaccine này. Nếu Việt Nam có nhu cầu về vaccine lớn hơn số vaccine hiện Cuba đang sản xuất thì Cuba sẽ mở thêm 2 xưởng sản xuất để đáp ứng nhu cầu của Việt Nam.

HẾT TUẦN 4

Tuần 5: (4/10 – 9/10/2021)

Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay

Tiết 2:

Nhật Bản từ năm 1945 đến 1991

1. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh thế giới hai:

- Là nước bại trận, bị tàn phá nặng nề, gặp nhiều khó khăn lớn.

Về chính trị:

- Xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt
- Ban hành Hiến pháp mới (1946).

Về kinh tế: thực hiện 3 cuộc cải cách dân chủ:

- + Cải cách ruộng đất.
- + Giải tán các Dai-bát-xư.
- + Dân chủ hóa lao động.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng “thần kì”. Những năm 80, vươn lên thành siêu cường tài chính thế giới.

Về khoa học kĩ thuật:

- + coi trọng giáo dục và khoa học kĩ thuật.
- + Chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp dân dụng.

Về văn hóa: Lưu giữ được những giá trị truyền thống, bản sắc. Kết hợp hài hòa với hiện đại.

Quan hệ ngoại giao: Liên minh chặt chẽ với Mỹ. Tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và ASEAN.

Những thành tựu:

- Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 thế kỉ XX, kinh tế Nhật tăng trưởng mạnh mẽ, được coi là "sự phát triển thần kì".
- Cùng với Mĩ và Tây Âu, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính trên thế giới.
- **Nguyên nhân của sự phát triển:**
 - + Con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo và có ý chí vươn lên.
 - + Sự quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti.
 - + Vai trò điều tiết và đề ra các chiến lược phát triển của Chính phủ Nhật.
 - + Chi phí quốc phòng thấp.
 - + Lợi dụng các yếu tố bên ngoài để phát triển.

2. Nhật Bản từ 1991 đến nay.

Kinh tế: Suy thoái trong hơn một thập kỉ. Tuy nhiên, Nhật Bản vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới.

Năm 2020 – 2021, Kinh tế Nhật Bản tiếp tục bị suy thoái do sự tàn phá của đại dịch Covid,

Chính trị: Có phần không ổn định.

Khoa học-kĩ thuật: phát triển ở trình độ cao. Ngày 18/1/2018, Nhật Bản phóng thành công tên lửa đẩy Epsilon-3 mang theo vệ tinh quan sát mặt đất Asnaro-2.

Đây là lần thứ 3 Nhật Bản phóng thành công loại tên lửa 3 tầng dài 26m Epsilon-3.

TÀI LIỆU HỖ TRỢ HỌC SINH THAM KHẢO:

Ảnh tư liệu hỗ trợ xây dựng bài



Lịch sử [sửa | sửa mã nguồn]

Thế kỷ thứ 8, thời nhà Đường còn đô hộ Việt Nam, một viên quan nhà Đường gốc Nhật Bản là **Abe no Nakamaro** đã được cử sang làm **Tiết độ sứ An Nam** đô hộ phủ.

Đến thế kỷ 16, các thương nhân Nhật Bản thường xuyên qua lại khu vực biển ở **Đông Nam Á** để buôn bán, trong đó có lãnh thổ Đại Việt **nhà Lê**. Các **thuyền chu ẩn** của Nhật Bản lúc này đã sang lãnh thổ Việt Nam.

Sang thế kỷ 17, các chúa Nguyễn ở **Đàng Trong** đẩy mạnh giao thương, chúa Nguyễn Hoàng cho phép thương gia Nhật Bản buôn bán và cư trú ở **Hội An**. **Mạc phủ Tokugawa Ieyasu** còn trao đổi công văn thương mại với chúa Nguyễn. Chúa **Nguyễn Phúc Nguyên** còn gả cả công nữ **Ngọc Hoa** (có nguồn ghi là **Ngọc Khoa**) cho thương nhân nổi tiếng Araki Shutaro (荒木宗太郎). Tuy nhiên, từ năm 1635 với sự ra đời của **Luật bế quan tỏa cảng** (*Tỏa Quốc*), Nhật Bản chỉ cho phép buôn bán với **Trung Quốc**, **Triều Tiên** và **Hà Lan** nên sự giao thương với Việt Nam bị gián đoạn.

Đến giữa thế kỷ 20, năm 1940, **đế quốc Nhật** mới thiết lập căn cứ chống lại **phe Đồng Minh** ở Đông Nam Á và xâm lược Việt Nam đến tận năm 1945.

Tháng 9 năm 1973, Nhật Bản và Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức.^[1]

Về chính trị [sửa | sửa mã nguồn]

Hàng năm đều có các cuộc gặp cấp cao. **Thủ tướng Nhật Bản** thăm Việt Nam 5 lần (Murayama Tomiichi - 1994, Hashimoto Ryūtarō - 1997, Obuchi Keizō - 1998, Koizumi Junichirō - 2002, Abe Shinzō - 2006, 2012 và Suga Yoshihide - 2020.) Ngoại trưởng Nhật thăm chính thức 2 lần (1996 và 2004). **Thủ tướng Việt Nam** thăm Nhật Bản 6 lần (1993, 1999, 2001, 2003 - 2 lần - và 6/2004). Từ 1993 đến nay, **Tổng Bí thư** (2 lần vào 1995 và 2002), **Chủ tịch Quốc hội** và Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam cũng đã thăm Nhật Bản. Năm 2002, Lãnh đạo cấp cao hai nước thống nhất xây dựng quan hệ Việt Nam-Nhật Bản theo phương châm "đối tác tin cậy, ổn định lâu dài". Trong chuyến thăm Việt Nam 7/2004 của Ngoại trưởng Nhật Bản, hai bên đã ký Tuyên bố chung "Vươn tới tầm cao mới của đối tác bền vững".

Hai bên đã tạo dựng được cơ chế đối thoại ở nhiều cấp. Ngoài đối thoại chính trị định kỳ ở cấp Thứ trưởng Ngoại giao (từ năm 1993), hai bên cũng đã xây dựng được cơ chế đối thoại kinh tế, an ninh và quốc phòng. Hai bên đã trao đổi tùy viên quân sự, mở Tổng lãnh sự quán ở **Thành phố Hồ Chí Minh** ở Việt Nam và **Osaka** ở Nhật Bản

Nhật Bản ủng hộ đường lối đổi mới, mở cửa của Việt Nam; hỗ trợ Việt Nam hội nhập vào khu vực và thế giới (vào APEC, WTO, ASEM, ARF, vận động OECD giúp Việt Nam về kỹ thuật...); coi trọng quan hệ với Việt Nam, lấy lợi ích và mục tiêu lâu dài làm trọng. Việt Nam ủng hộ Nhật làm thành viên thường trực **Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc** mở rộng, và vận động Nhật ủng hộ Việt Nam ứng cử làm thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2008-2009.

Quan hệ kinh tế [sửa | sửa mã nguồn]

Nhật Bản là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam.

Về mậu dịch [sửa | sửa mã nguồn]

Hai nước đã dành cho nhau thuế suất **tối huệ quốc** từ 1999. Nhật Bản là bạn hàng số một của Việt Nam. Kim ngạch 2 chiều năm 2003 đạt 5,9 tỷ **USD**, nhanh chóng tăng lên đến 8,5 tỷ USD vào năm 2005, 10 tỷ USD năm 2006, 12 tỷ năm 2007, và 17 tỷ năm 2008. Tuy nhiên trong năm 2009, vì khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tổng thương mại giảm xuống 12,2 tỷ trong năm 2009, nhưng nhanh chóng phục hồi lại đến 16 tỷ USD trong năm 2010.



Tranh vẽ một chiếc **Chu Ẩn Thuyền** (朱印船 Shuinsen) đi từ Trường Kỳ (Nagasaki) tới An Nam.

Đầu tư trực tiếp [sửa | sửa mã nguồn]

Đến tháng 11/2003 có 354 dự án với số vốn đăng ký 4,47 tỷ \$. Trong số 62 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam, Nhật đứng thứ 3 sau **Singapore** và **Đài Loan** về số vốn đăng ký nhưng đứng đầu về kim ngạch đầu tư đã đi vào thực hiện (3,7 tỷ \$). 11 tháng đầu năm 2003, Nhật đứng thứ 5 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với số vốn 78 triệu USD, giảm 35% so với cùng kỳ năm 2002. Hai nước đã ký kết Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư tháng 11/2003. Tháng 12/03 hai bên đã thoả thuận Sáng kiến chung nhằm cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam.

Về ODA [sửa | sửa mã nguồn]

Nhật Bản là nước tài trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam, từ 1992-2003 đạt khoảng 8,7 tỷ USD, chiếm khoảng 30% tổng khối lượng ODA của cộng đồng quốc tế cam kết dành cho Việt Nam, trong đó viện trợ không hoàn lại khoảng 1,2 tỷ USD. Từ năm 2001, Nhật Bản cắt giảm 10% ngân sách ODA nhưng vẫn giữ và tăng kim ngạch ODA cho Việt Nam. Năm 2003, mặc dù cắt giảm 5,8% ODA cho các nước nói chung, nhưng ODA cho Việt Nam vẫn là 91,7 tỷ **yên**, giảm khoảng 1.2% so với năm 2002.

Hai bên đã thoả thuận chương trình viện trợ lâu dài của Nhật Bản cho Việt Nam nhằm vào 5 lĩnh vực chính là: phát triển nguồn nhân lực và xây dựng thể chế; xây dựng và cải tạo các công trình giao thông và điện lực; phát triển nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; phát triển giáo dục đào tạo và y tế; bảo vệ môi trường. Ngày 2/6/04, Nhật Bản đã công bố chính sách viện trợ ODA mới cho Việt Nam với 3 mục tiêu chính: Thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện đời sống - xã hội, hoàn thiện cơ cấu. Tháng 12 năm 2013, Thủ tướng **Shinzo Abe** công bố khoản ODA trị giá khoảng 100 tỷ yên (tương đương 1 tỷ USD) cho 5 dự án thuộc đợt 2 tài khóa 2013.^[2]



Chùa Cầu ở Hội An, một công trình do thương nhân Nhật Bản xây dựng.

Về hợp tác lao động [sửa | sửa mã nguồn]

Từ năm 1992 đến nay, Việt Nam đã cử 16 ngàn **tu nghiệp sinh** Việt Nam sang Nhật. Nhật là một thị trường tiềm năng cho lao động Việt Nam trong 5-10 năm tới. Tuy nhiên mấy năm gần đây nổi lên vấn đề lao động Việt Nam bỏ trốn tại Nhật (tỷ lệ bỏ trốn năm 2002 là 24,7%, cao nhất trong các nước cử lao động sang Nhật) gây khó khăn cho việc hợp tác lao động.

Về văn hóa giáo dục [sửa | sửa mã nguồn]

Hai nước đang triển khai các chương trình đào tạo con người, chương trình thanh niên **ASEAN** (100 người/năm) và trao đổi các đoàn văn hóa, những người người tình nguyện, chuyên gia. Hàng năm Chính phủ Nhật viện trợ cho Việt Nam từ 1 đến 2 dự án viện trợ văn hoá không hoàn lại như thiết bị học ngoại ngữ, thiết bị bảo quản tư liệu **Viện Hán-Nôm**, **Bảo tàng Lịch sử**, xưởng phim hoạt hình. Về giáo dục, **Chính phủ Nhật Bản** nhận khoảng trên 100 học sinh sinh viên Việt Nam sang Nhật Bản đào tạo hàng năm. Ngoài ra còn có nhiều học sinh du học tự túc. Tổng số lưu học sinh Việt Nam ở Nhật hiện nay khoảng hơn 1000 người. Trong 5 năm (1994-1999), Chính phủ Nhật đã viện trợ 9,5 tỉ yên để xây dựng 195 trường tiểu học ở các tỉnh miền núi và vùng ven biển hay bị thiên tai.

Về du lịch [sửa | sửa mã nguồn]

Nhật Bản cũng là một thị trường được chú trọng để phát triển du lịch Việt Nam. Năm 2002 đã có 280 ngàn khách Nhật Bản thăm Việt Nam. Do ảnh hưởng của **SARS**, du lịch Nhật Bản vào Việt Nam trong năm 2003 giảm sút. Từ tháng 1/2004, Việt Nam đã chính thức đơn phương miễn thị thực cho người Nhật Bản đi du lịch và kinh doanh vào Việt Nam trong vòng 15 ngày và gần đây nhất từ 1/7/2004, Việt Nam đã quyết định miễn thị thực nhập cảnh ngắn hạn cho công dân Nhật. Đây là thuận lợi lớn để thúc đẩy du lịch Nhật Bản vào Việt Nam. Từ ngày 1/5/2005, Việt Nam và Nhật Bản song phương miễn thị thực **hộ chiếu** ngoại giao, hộ chiếu công vụ. Trong năm 2011, du khách Nhật Bản đến thăm Việt Nam đã tăng lên đến 428.000 lượt, tăng 8,9% so với năm 2010.



Cầu Nhật Tân ở Hà Nội được tài

Nhật Bản hỗ trợ thêm 1 triệu liều vắc-xin, chuyển đến TP HCM

13-07-2021 - 09:29 | Sức khỏe

f Chia sẻ

Thích 261

(NLĐO) - Bộ Y tế cho biết Chính phủ Nhật Bản viện trợ thêm 1 triệu liều vắc-xin Covid-19 cho Việt Nam. Lô vắc-xin này sẽ được chuyển đến sân bay Tân Sơn Nhất vào sáng 16-7 tới.

Bộ Y tế cho biết sáng 13-7, Ngoại trưởng Nhật Bản Motegi công bố viện trợ thêm 1 triệu liều vắc-xin Covid-19 của AstraZeneca cho Việt Nam, nâng tổng số liều viện trợ cho Việt Nam là gần 3 triệu liều.

Lô vắc-xin thứ 4 này sẽ được chuyển từ Nhật Bản về Việt Nam và dự kiến đến sân bay Tân Sơn Nhất (TP HCM) vào rạng sáng ngày 16-7. Như vậy, với lô vắc-xin nói trên, tổng số vắc-xin Nhật Bản tặng Việt Nam khoảng 2,8 triệu liều, trong đó hơn 1,8 triệu liều đã về Việt Nam.



Những thành tựu của nền kinh tế Nhật Bản sau 5 năm thực hiện Chính sách Abenomics

ThS. Đỗ Thị Ánh - Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội I Việt Nam *

13:00 25/03/2018 |

Like 0

Share

Từng kinh qua nhiệm kỳ Thủ tướng lần thứ nhất vào năm 2006, ông Shinzo Abe một lần nữa trở thành Thủ tướng Nhật Bản sau khi giành thắng lợi thuyết phục tại cuộc Tổng tuyển cử của nước này vào cuối tháng 12/2012. Ngay sau khi đắc cử lần thứ hai, Thủ tướng Shinzo Abe đã đưa ra chính sách kinh tế "Abenomics" (kết hợp hai từ "Abe" và "Economics"). Sau 5 năm thực hiện chính sách kinh tế này, nền kinh tế Nhật Bản đã có những chuyển biến như thế nào là nội dung được làm rõ trong bài viết.

Bối cảnh ra đời Chính sách Abenomics

Sau khi bong bóng thị trường bất động sản và chứng khoán sụp đổ vào đầu những năm 1990, Nhật Bản đã trải qua nhiều thập niên "mất mát". Các công ty tập trung cắt giảm nợ, thu hẹp đầu tư và di chuyển sản xuất ra nước ngoài. Người dân hạn chế tiêu dùng, giá cả hàng hóa giảm sút, kết quả là nền kinh tế ngày càng trì trệ. Trợ cấp an sinh xã hội tăng lên do lão hóa dân số nhưng tiền lương thực tế lại không tăng do giảm phát. Trong khi đó, để bù đắp cho thâm hụt tài chính, nợ của chính phủ do trái phiếu công lại tăng cao. Thiên tai động đất sóng thần xảy ra năm 2011 càng làm trầm trọng hóa hơn những khó khăn kinh tế của Nhật Bản.

HẾT TUẦN 5

Vài lưu ý đối với học sinh không thể học tập trực tuyến:

- Các em có thể gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho giáo viên qua địa chỉ mail: maihieuphuoccc@gmail.com. Hoặc nếu có thể liên hệ với bạn học chung lớp qua kênh thông tin nào khác thì nhờ bạn gửi giúp nội dung.

- Sách giáo khoa Lịch Sử 8 + 9 + 12 bản điện tử: Học sinh có thể tìm trên Trang Google để tải các file SGK DPF về phục vụ việc học.

- Hoặc vào trang youtube: Sử Lược Nước Nam

<https://www.youtube.com/watch?v=mqNje7SZJxk&t=9s>

<https://www.youtube.com/watch?v=mrznrEQDQ54&t=166s>

<https://www.youtube.com/watch?v=78J6j3cDaho>

Có đầy đủ các bài học được xây dựng bằng video clip rất trực quan, dễ hiểu.

Hết